

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C Đ
TỈNH L A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C Đ, TỈNH L A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang;

Bà Trần Ánh Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh L A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C , tỉnh L A tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn C - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh L A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hùng C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1966; Tại: T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Hình (chết) và bà: Nguyễn Thị Thành (chết); Vợ: Phạm Thị Kim Tr; Con: 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2019 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm: 1986 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1982 (Anh V là chồng chị L);

Nơi cư trú: Ấp Kế Mỹ, xã Trường Bình, huyện C G, tỉnh L A (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Văn C, sinh năm 1944 (Xin xét xử vắng mặt);

2/ Bà Ngô Thị Lo, sinh năm 1947 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp Lộc Trung, xã Mỹ Lộc, huyện C G, tỉnh L A.

3/ Cháu Đoàn Hữu Nghĩa, sinh năm 2007;

4/ Cháu Đoàn Thị Nhã Linh, sinh năm 2009;

Nơi cư trú: Ấp Lộc Trung, xã Mỹ Lộc, huyện C G, tỉnh L A;

Người đại diện hợp pháp của cháu Nghĩa, cháu Linh: Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp Kế Mỹ, xã Trường Bình, huyện C G, tỉnh L A; (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Trần Minh Đ, sinh năm: 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Long Ninh, xã Long Hựu Đ, huyện C , tỉnh L A.

2/ Chị Phạm Thị Kim Tr, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/10/2019, Nguyễn Hùng C có giấy phép lái xe theo quy định (hạng A1), điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 63B9 - 878.59 chở vợ là chị Phạm Thị Kim Tr ngồi phía sau, lưu thông trên Quốc lộ 50, hướng từ cầu Mỹ Lợi về thị trấn C . Khi đến khu vực Ấp 1, xã Phước Đ, huyện C , tỉnh L A, C phát hiện anh Trần Minh Đ đang dẫn xe mô tô BKS 51L6 – 7785 theo hướng cùng chiều phía trước. Lúc này, C định vượt qua bên trái xe anh Đ nhưng C thấy có một xe ô tô tải (không rõ BKS) chạy chiều ngược lại pha đèn chiếu sáng làm C bị chói mắt nên C lách vào mép lề phải để vượt qua anh Đ thì xảy ra va chạm với chị Phan Thị Kim L đang đi bộ theo hướng cùng chiều, bên trong phía trước đầu xe anh Đ. Hậu quả chị L bị tử vong khi cấp cứu tại Bệnh viện C ,

Kết quả khám nghiệm xác định: Mặt đường nhựa rộng 10m, có vạch phân làn đường đứt quãng ở giữa phân chia 2 mặt đường V phần đường riêng biệt. Phần đường hướng từ cầu Mỹ Lợi về thị trấn C rộng 05m10, phần đường ngược lại rộng 4m90. Lấy mép lề phải hướng từ cầu Mỹ Lợi về thị trấn C làm mép đường chuẩn. Vùng va chạm giữa xe mô tô 63B9-878.59 và chị Phan Thị Kim L nằm trên phần đường bên phải, cách mép đường chuẩn nhiều nhất là 2m30 do chị L đi bộ phía bên trong xe mô tô BKS 51L6 - 7785 do anh Đ đang dẫn cùng chiều.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 249/TT ngày 30/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh L A kết luận: Nguyên nhân chết của chị Phan Thị Kim L do chấn thương sọ não nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai vì muốn lách vào mép lề phải để vượt qua

anh Đ thì xảy ra va chạm với chị Phan Thị Kim L đang đi bộ theo hướng cùng chiều, bên trong phía trước đầu xe anh Đ. Hậu quả chị L bị tử vong khi cấp cứu tại Bệnh viện C, C và chị Tr xây sát nhẹ. Lúc vượt qua xe anh Đ đang dẫn bộ, bị cáo không mở tín hiệu xin vượt và còi báo. Bị cáo bị truy cứu về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng, không oan sai. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép, không ai bức cung nhục hình; Bị cáo không có ý kiến về Kết luận giám định pháp y, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường số tiền 148.654.000 đồng, gồm: chi phí mai táng, xây mộ, cấp dưỡng nuôi con và tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại.

Anh Đoàn Văn V là người đại diện hợp pháp của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kV tại Cơ quan cảnh sát điều tra như sau: Chị L là vợ của anh. Sau khi chị L bị tai nạn tử vong thì cha mẹ vợ làm ma chay, gia đình bị cáo đã đưa tiền lo và bồi thường số tiền 148.654.000 đồng, gồm: chi phí mai táng, xây mộ, cấp dưỡng nuôi con của L và tổn thất tinh thần cho bà Hvà ông C. Nay anh không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, kể cả tổn thất về tinh thần.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa: Chị Phan Thị Kim L là con gái ruột của bà và ông C. L có chồng là Đoàn Văn V và có 02 đứa con là Nghĩa và Linh. Do sống không hạnh phúc nên L và các con về sống chung với bà nhưng chưa ly hôn với chồng. Sau khi chị L bị tai nạn tử vong, bà trực tiếp làm ma chay, gia đình bị cáo C đã đưa tiền lo và bồi thường số tiền 148.654.000 đồng, gồm: chi phí mai táng, xây mộ, cấp dưỡng nuôi con của L và tổn thất tinh thần cho bà và ông C. Nay bà không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, kể cả tổn thất về tinh thần.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra thông nhất như lời trình bày của bà Hvà không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, kể cả tổn thất về tinh thần.

Người làm chứng chị Phạm Thị Kim Tr có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với diễn biến sự việc như bị cáo kV tại phiên tòa.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh L A truy tố bị cáo Nguyễn Hùng C về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Hùng C đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn kV báo, ăn năn hối cải; bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại và gia đình bị hại có đơn xin bãi nại. Ngoài ra, bị cáo chấp hành tốt Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, kể từ khi xảy ra tai nạn giao thông cho đến nay không vi phạm pháp luật nên cần xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, cho bị cáo hưởng án treo vẫn đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C từ 01-02 năm tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02-04 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Gia đình người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên không xem xét đề cập.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, việc bị cáo bị truy tố về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến gì về tội danh và hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bà Ngô Thị Hxin giảm hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi gia đình chị L, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cùng vợ con làm lo trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/10/2019, Nguyễn Hùng C có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS 63B9-878.59 chở vợ ngồi phía sau là chị Phạm Thị Kim Tr lưu thông trên Quốc lộ 50, hướng từ cầu Mỹ Lợi về thị trấn C. Khi đến khu vực áp 1, xã Phước Đ, huyện C, tỉnh L A, C điều khiển xe vượt bên phải anh Trần Minh Đ đang dẫn xe mô tô BKS 51L6 – 7785 theo hướng cùng chiều phía trước là không đúng quy định, vi phạm khoản 2 Điều

14 Luật Giao thông đường bộ và đã gây ra tai nạn với chị Phan Thị Kim L đi bộ phía bên trong. Hậu quả, chị L bị tử vong do chấn thương sọ não nặng.

[3] Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập hồi 03 giờ 40 phút ngày 25/10/2019, Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông lập hồi 03 giờ 15 phút cùng ngày xác định vùng va chạm giữa xe mô tô 63B9-878.59 và chị Phan Thị Kim L nằm trên phần đường bên phải, cách mép đường chuẩn nhiều nhất là 2m30 do chị L đi bộ phía bên trong xe mô tô BKS 51L6 - 7785 do anh Đ đang dẫn cùng chiều.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 249/TT ngày 30/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh L A kết luận: Nguyên nhân chết của chị Phan Thị Kim L do chấn thương sọ não nặng. Lời kV của bị cáo, lời kV của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[4] Bị cáo C điều khiển xe máy vượt xe máy của anh Đ nhưng không mở tín hiệu xin vượt, khi thấy có xe ngược chiều, bị cáo lách về phải xe máy anh Đ để vượt lên là nguyên nhân chính dẫn đến va chạm với chị L đang đi bộ cùng chiều, lỗi của bị cáo là lỗi vô ý vì quá tự tin. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ:

“1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc Còi; trong đô thị và khu Đ dân cư từ 22 giờ đến 05 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về phía bên phải”.

[5] Tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự quy định: *“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) Làm chết người;”

[6] Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

[7] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn kV báo, ăn năn hối cải; đã bồi

thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đây là 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo tại ngoại đã chấp hành tốt yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, không có phản ánh vi phạm pháp luật; gia đình người bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo được tặng nhiều giấy khen trong quá trình công tác, bản thân đang phải trị bệnh đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] *Xét hình phạt:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người; tình hình tai nạn giao thông tại địa phương đang có xu hướng gia tăng, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

[9] *Xét trách nhiệm dân sự:* Bị cáo và gia đình người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định phân trách nhiệm đã thỏa thuận xong, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, không đề cập.

[10] *Về vật chứng, tang vật của vụ án:* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ và đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 63B9 - 878.59 cho chủ sở hữu. Riêng xe mô tô biển kiểm soát 51L6-7785 anh Đ trình bày của chị L mua lại xe cũ nhưng chưa sang tên chủ sở hữu và giấy chứng nhận đăng ký xe mất, Cơ quan CSĐT Công an huyện C tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[11] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Hùng C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 98; các khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hùng C phạm tội “**Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C **01 (một)** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02 (hai)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Hùng C cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh T theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo C) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo C) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hùng C chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Nguyễn Hùng C , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp người bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện C ;
- TAND tỉnh L A;
- VKSND tỉnh L A;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ V ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của V Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ V chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong V ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công kV bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

